

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/DS-PT
Ngày: 10-4-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2018/TLDS-PT ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân Tp. BL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2018/QĐ-PT ngày 04/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Ch**, sinh năm 1961;
Trú tại: Xóm 2, thôn 8, xã Đb, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Dương Xuân L**, sinh năm 1956;
Bà Lương Thị Nh, sinh năm 1963;
Trú tại: Số 87 Lý Thái Tổ, xã Đb, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông **Huỳnh Phi H**, sinh năm 1958
Trú tại: Xóm 2, thôn 8, xã Đb, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà **Hồ Thị Ch**, sinh năm 1961.
Trú tại: Xóm 2, thôn 8, xã Đb, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà **Hồ Thị Ch** và bị đơn ông **Dương Xuân L**.

(Bà Ch, ông L có mặt; ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và lời trình bày của nguyên đơn:

Do quen biết nhau từ trước nên nguyên đơn đã nhiều lần cho bị đơn vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 13/02/2015, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay không ghi trên giấy vay tiền nhưng có hứa hẹn mượn tiền để làm ăn, khi nào nguyên đơn cần thì phải trả lại. Ngày 12/5/2016, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền gốc được 300.000.000 đồng và 252.000.000 đồng tiền lãi (1.200.000.000 đồng x 1,5% x 14 tháng). Số tiền gốc còn nợ là 900.000.000 đồng.

Ngày 31/5/2016, ông L hỏi vay thêm 600.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay không ghi trên giấy vay tiền nhưng có hứa hẹn vay tiền đáo hạn ngân hàng 03 ngày xong sẽ trả. Sau khi vay được tiền, ông L cố tình không trả tiền gốc và lãi dù bà đã đòi nhiều lần.

Nay bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà Nh có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 27/02/2018 (ngày nộp đơn khởi kiện) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Dương Xuân L trình bày:

Ông L thừa nhận có vay của vợ chồng bà Ch, ông H số tiền 1.200.000.000 đồng ngày 13/02/2015, mục đích vay tiền để trang trải công việc trong gia đình. Ngày 12/5/2016, ông L trả cho bà Ch tiền gốc 300.000.000 đồng và trả tiền lãi đầy đủ (lãi suất 3%/tháng). Ngày 20/5/2016, ông L đã trả đủ cho bà Ch số tiền 900.000.000 đồng và 7.200.000 đồng tiền lãi tại nhà ông L. Khi trả thì hai bên không lập văn bản giấy tờ, không có ai làm chứng, chỉ có ông L, bà Ch biết với nhau, ông L có nói và bà Ch đồng ý về nhà sẽ hủy giấy vay tiền. Tuy nhiên, hiện nay bà Ch lại dùng giấy vay tiền đó kiện thì ông không đồng ý.

Ông L thừa nhận có vay số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 31/5/2016, mục đích vay tiền để trang trải công việc trong gia đình. Ông đã trả được 14 tháng tiền lãi, mỗi tháng 18.000.000 đồng (lãi suất 3%/tháng), tổng cộng 252.000.000 đồng. Sau đó, ông không còn khả năng trả lãi nữa và có nói với bà Ch hiện tại bà Đỗ Thị L1 (tên thường gọi là C) có nợ tiền ông L, để chờ bà L1 bán đất hoặc bàn ghế trả cho ông L thì ông mới có tiền trả cho bà Ch hoặc để cho ông L trả góp hàng tháng nhưng bà Ch không đồng ý, bà Ch ép ông sang xưởng gỗ bà L1 lấy bàn ghế để trừ nợ.

Ngày 01/12/2017, bà Ch đã lấy 02 bộ bàn ghế, 01 bộ trường kỷ, 01 bàn thờ, 01 bàn trang điểm, 01 bộ tranh, 10 ghế ngồi, tổng giá trị 470.000.000 đồng. Như

vậy, hiện tại ông L chỉ còn nợ bà Ch tiền gốc là 130.000.000 đồng và 04 tháng tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 130.000.000 đồng từ ngày 01/12/2017 cho đến nay. Số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng này và tiền lãi phát sinh là nợ riêng của ông L nên ông có trách nhiệm tự trả, không liên quan gì đến bà Nh vợ ông L.

Đối với số tiền lãi mà ông L đã trả cho vợ chồng bà Ch, ông H trước đây thì ông L không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Nay ông L đồng ý trả cho vợ chồng bà Ch, ông H tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và trả dần theo hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng.

Bà Lương Thị Nh trình bày: Bà Nh không đồng ý với việc bà Ch khởi kiện bà. Giữa bà Ch với ông L có quan hệ vay mượn tiền bạc với nhau như thế nào bà không biết và không liên quan gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phi H: Thống nhất toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ch.

Người làm chứng bà Đỗ Thị L1 trình bày: Trước đây bà L1 có nợ ông L 470.000.000 đồng, trong khi đó ông L cũng đang nợ bà Ch một số tiền. Do không trả được nợ bằng tiền mặt nên giữa ông L, bà Ch và bà L1 đã thỏa thuận bà L1 giao đồ gỗ cho bà Ch để cầm trừ nợ tay ba. Bà Ch đã trực tiếp đưa người đến lấy đồ gỗ gồm 01 bộ ghế Minh tay 14 trị giá 140.000.000 đồng; 01 bộ ghế Minh tay 12 trị giá 120.000.000 đồng; 01 bộ trường kỷ trị giá 100.000.000 đồng; 01 bàn thờ trị giá 50.000.000 đồng; 10 ghế bàn ăn trị giá 11.000.000 đồng; 01 bàn trang điểm trị giá 4.000.000 đồng; 01 bộ tranh trị giá 45.000.000 đồng. Tổng cộng 470.000.000 đồng. Bà L1 xác định bà Ch lấy đồ gỗ của bà L1 để cầm trừ nợ cho ông L là đúng.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 1.935.000.000 đồng (gốc 1.500.000.000 đồng, lãi 435.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 31/5/2016 cho đến ngày xét xử). Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Ch về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng ông Dương Xuân L, bà Lương Thị Nh.

Buộc vợ chồng ông Dương Xuân L, bà Lương Thị Nh có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Hồ Thị Ch, ông Huỳnh Phi H số tiền 1.120.592.373 đồng, trong đó tiền gốc là 904.000.000 đồng, tiền lãi 216.592.373 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch đối với số tiền gốc 470.000.000 đồng và tiền lãi 344.407.627 đồng. Tổng cộng 814.407.627 đồng.

2. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/10/2018 bị đơn ông Dương Xuân L kháng cáo về tiền nợ gốc, lãi và công nợ riêng của ông chứ không phải của vợ chồng.

Ngày 12/11/2018, nguyên đơn bà Hồ Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phi H kháng cáo về cách tính lãi, án phí và đối trừ nợ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Ch yêu cầu tính lại số tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vay 31/5/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Bị đơn ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông L, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Ch về việc tính lại mức lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 31/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/10/2018 theo mức lãi suất 1%/tháng, tổng cộng 1.935.000.000 đồng. Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nên dẫn đến tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông L:

Quá trình giải quyết vụ án, ông L đều thừa nhận có nợ bà Ch số tiền 1.200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/02/2015 và số tiền 600.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 31/5/2016. Tuy nhiên, ông L cho rằng ngày 20/5/2016 đã trả đủ cho bà Ch số tiền gốc 900.000.000 đồng và 15 tháng tiền lãi là 540.000.000 đồng. Đồng thời, ông L đã trả đủ 14 tháng tiền lãi tương đương 252.000.000 đồng của số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng ngày 31/5/2016 (lãi suất 3%/tháng). Nhưng ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, phía bà Ch không thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của ông L.

Đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì thấy rằng, tại thời điểm ông L vay tiền thì ông L, bà Nh là vợ chồng và quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà Nh đang tồn tại, ông L thừa nhận khoản tiền nợ của bà Ch nhằm sử dụng phục vụ

cho cuộc sống gia đình và phát triển kinh tế của vợ chồng. Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Trách nhiệm liên đới của vợ chồng:

1. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Như vậy, trong trường hợp này bà Nh là vợ của ông L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông L là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ông L kháng cáo cho rằng đây là nợ của riêng ông nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Ch: Do các khoản vay đều phát sinh trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và các bên chưa thực hiện xong quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết là phù hợp.

[2.1] Đối với số tiền vay 1.200.000.000 đồng ngày 13/02/2015: Bà Ch thừa nhận vào ngày 12/5/2016 ông L có trả cho bà 300.000.000 đồng tiền gốc. Căn cứ quy định của pháp luật, số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Lãi từ ngày 13/02/2015 đến ngày 12/5/2016: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 202.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 12/5/2016 đến ngày 06/3/2018 (ngày thụ lý vụ án): $900.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 220.725.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 07/3/2018 đến ngày 10/4/2019 (ngày xét xử phúc thẩm): $900.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 97.857.000 \text{ đồng}$.

[2.2] Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng ngày 31/5/2016:

Qua lời khai của nhân chứng bà Đỗ Thị L1 thì ngày 01/12/2017 bà Ch đã đến cửa hàng của bà L1 để lấy số đồ gỗ có giá trị là 470.000.000 đồng để cầm trừ vào số tiền nợ của ông L (BL44). Ông L cung cấp một giấy viết tay bản photo liệt kê số đồ gỗ bà Ch đã lấy (BL43), giấy này chỉ thể hiện chữ ký của bà L1, không có sự xác nhận của bà Ch. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Ch và ông L tự nguyện thỏa thuận cầm trừ số đồ gỗ có giá trị 470.000.000 đồng trên vào số tiền nợ. Căn cứ quy định của pháp luật, số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Lãi từ ngày 31/5/2016 đến ngày 01/12/2017 (ngày bà Ch lấy bàn ghế): $600.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 121.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 02/12/2017 đến ngày 06/3/2018 (ngày thụ lý vụ án): $130.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} = 4.582.500 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 07/3/2018 đến ngày 10/4/2019 (ngày xét xử phúc thẩm): $130.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 14.134.900 \text{ đồng}$.

Tổng cộng lãi của hai khoản vay là 661.299.400 đồng. Bị đơn đã trả được 252.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 12/5/2016, vì vậy số tiền lãi còn phải thanh toán là 409.299.400 đồng; số tiền gốc hai khoản vay còn lại là 900.000.000 đồng vay ngày 13/02/2015 và khoản vay 600.000.000 đồng ngày 31/5/2016 được trừ đi số tiền 470.000.000 đồng là tiền bàn ghế gỗ bà Ch đã lấy còn nợ là 130.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc còn lại là 900.000.000 đồng + 130.000.000 đồng = 1.030.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên thấy rằng, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông L, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Ch, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.439.299.400 đồng, trong đó tiền gốc 1.030.000.000 đồng và tiền lãi 409.299.400 đồng.

[4] Về án phí:

Bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận như sau: $[(1.935.000.000 \text{ đồng} - 1.439.299.400 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\%] + 20.000.000 \text{ đồng} = 23.828.024 \text{ đồng}$.

Bị đơn ông L, bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $[(1.439.299.400 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\%] + 36.000.000 \text{ đồng} = 55.178.982 \text{ đồng}$.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do ông L đã trên 60, là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Do đó, cần buộc bị đơn bà Lương Thị Nh phải chịu 27.589.491 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật.

Do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Ch. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Xuân L. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Ch về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn vợ chồng ông Dương Xuân L, bà Lương Thị Nh.

Buộc vợ chồng ông Dương Xuân L, bà Lương Thị Nh có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Ch số tiền 1.439.299.400 đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm đồng); trong đó tiền gốc 1.030.000.000 đồng và tiền lãi 409.299.400 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ch đối với số tiền 495.700.600 đồng.

2. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân Tp. BL.

3. Về án phí:

Buộc bà Lương Thị Nh phải chịu số tiền 27.589.491 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Dương Xuân L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002667 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. BL.

Buộc bà Hồ Thị Ch phải chịu số tiền 23.828.024 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 33.225.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002317 ngày 06/3/2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002664 ngày 14/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. BL. Hoàn trả cho bà Ch số tiền 9.696.976 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND Tp. BL;
- Chi cục THADS Tp. BL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân